ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 180 /BC-UBND	*Đồng Tháp, ngày 28 tháng 7 năm 2021*

BÁO CÁO
Kết quả điều tra Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn và tài liệu hướng dẫn triển khai. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Khái quá tình hình chung

Tỉnh Đồng Tháp nằm ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, với diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 3.374,08 km^2 bao gồm 12 đơn vị hành chính gồm 03 thành phố: Cao Lãnh, Sa Đéc, Hồng Ngự và 9 huyện: Tân Hồng, Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười, Cao Lãnh, Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành, với tổng cộng 117 xã.

Mục đích: nhằm đánh giá đúng thực trạng và cập nhật kịp thời cơ sở dữ liệu trong Bộ chỉ số theo quy định, phục vụ cho việc nghiên cứu, chỉ đạo, điều hành của tỉnh, đồng thời sử dụng để làm căn cứ tham khảo đánh giá xã đạt tiêu chí 17.1 trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

Bộ chỉ số được thực hiện theo hệ thống đồng bộ công tác thu thập, tổng hợp, báo cáo các chỉ số về cấp nước nông thôn dựa trên việc áp dụng:

- Kênh thông tin thu thập: cấp tỉnh; thành phố, huyện; xã.

- Bộ công cụ giám sát, đánh giá:

+ Biểu mẫu số 1: cấp ấp "Đánh giá hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt hộ gia đình" do điều tra viên ấp điều tra.

+ Biểu mẫu số 2: cấp xã "Tổng hợp tình hình sử dụng nước sinh hoạt" do cán bộ giám sát cấp xã tổng hợp.

+ Biểu mẫu số 3: cấp huyện "Tổng hợp tình hình sử dụng nước sinh hoạt" do cán bộ giám sát cấp huyện tổng hợp.

+ Biểu mẫu số 4: cấp tỉnh "Tổng hợp tình hình sử dụng nước sinh hoạt" do cán bộ giám sát cấp tỉnh tổng hợp.

+ Biểu mẫu số 5: cấp xã, huyện và tỉnh "Cập nhật mô hình quản lý, loại hình và hiệu quả sử dụng của công trình cấp nước tập trung" do cán bộ giám sát cấp huyện và tỉnh tổng hợp.

+ Biểu mẫu số 6: cấp huyện và tỉnh "Đánh giá mức độ bền vững của công trình cấp nước tập trung" do cán bộ giám sát cấp huyện và tỉnh tổng hợp.

II. Công tác triển khai thực hiện

1. Căn cứ pháp lý: Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn và tài liệu hướng dẫn triển khai.

2. Đối tượng triển khai thực hiện.

Trong năm 2019, tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn tại Báo cáo số 115/BC-UBND ngày 25/5/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh, theo đó đã điều tra Bộ chỉ số tại 118 xã trong Tỉnh. Do đó, năm 2020, tỉnh Đồng Tháp chỉ điều tra Bộ chỉ số tại 33 xã đăng ký nông thôn mới thuộc 06 huyện; các xã còn lại lấy theo số liệu công bố năm 2019 để tính Bộ chỉ số theo dõi đánh giá Nước sạch nông thôn toàn Tỉnh năm 2020 (năm 2020 là 117 xã), cụ thể:

- Tất cả các hộ dân trên địa bàn 33 xã thuộc 06 huyện: Tân Hồng, Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh, Lấp Vò đã thực hiện đăng ký Nông thôn mới năm 2020.

- Tất cả các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn 33 xã thực hiện đăng ký Nông thôn mới năm 2020.

3. Kết quả tổng hợp, phân tích đối với từng chỉ số: số lượng mẫu thu thập số liệu khảo sát sử dụng nước từ các hộ gia đình tại 117 xã. Kết quả thống kê, tổng hợp số liệu thể hiện đối với từng chỉ số như sau:

- Tổng số hộ dân nông thôn được khảo sát: 358.241 hộ.

- Tổng số hộ nghèo được khảo sát: 10.988 hộ.

- Tổng số công trình cấp nước tập trung nông thôn được khảo sát: 374 công trình cấp nước tập trung.

4. Đánh giá các chỉ tiêu của Bộ chỉ số

4.1. Chỉ số Tỷ lệ số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh: đạt 100% (358.241 hộ/358.241 hộ)

- Tỷ lệ số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh trong năm 2020 trong địa bàn Tỉnh đạt 100%, tăng 0.33% so với năm 2019.

(Chi tiết xem Phụ lục 1 và 3)

4.2. Chỉ số Tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: đạt 85,46% (306.156 hộ/358.241 hộ).

- Qua tỷ lệ số hộ dân nông thôn sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung trong năm, cao nhất là thành phố Cao Lãnh đạt 98,32%, đứng thứ hai là thành phố Hồng Ngự đạt 98,08% và địa phương có tỷ lệ thấp nhất là huyện Tân Hồng đạt 75,64%. Nhìn chung, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ trạm cấp nước tập trung của toàn tỉnh cao hơn so với kế hoạch đề ra (năm 2019 là 84,14%); tuy

nhiên với tỷ lệ không đồng đều, một số khu vực đạt tỷ lệ khá cao, còn một số khu vực tỷ lệ này thấp so với kế hoạch đề ra.

- Đối với các nguồn nước như giếng khoan và các nguồn hợp vệ sinh khác chưa được lấy mẫu xét nghiệm nên không đưa vào kết quả đánh giá này. Vì vậy, còn tỷ lệ nhất định số hộ dân sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn Bộ Y tế từ các nguồn nước hợp vệ sinh khác nhưng chưa được đánh giá.

- Số hộ dân nông thôn sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung thời gian qua có sự gia tăng nhanh chóng, do các địa phương thực hiện chủ trương xã hội hóa cấp nước nông thôn, bên cạnh đó công tác tuyên truyền vận động, cũng như nâng cao nhận thức và tiến đến thay đổi hành vi của người dân trong việc sử dụng nước sạch. Tuy nhiên, trong thời gian qua việc xuống cấp của các công trình cấp nước tập trung có công suất nhỏ cũng gây ảnh hưởng đến việc sử dụng nước của các hộ dân trong khu vực.

(Chi tiết xem Phụ lục 2)

4.3. Chỉ số Tỷ lệ số hộ nghèo nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh: đạt 100% (10.988 hộ/10.988 hộ).

- Tỷ lệ số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh trong năm đạt tỷ lệ 100% hoàn thành mục tiêu đề ra (Kế hoạch năm 2020 là 100%).

- Số hộ dân nghèo nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh thời gian qua có sự gia tăng nhanh chóng do chính quyền địa phương tích cực thực hiện công tác quản lý Nhà nước lĩnh vực nước sạch nông thôn nhằm đảm bảo người dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới sử dụng nước an toàn hợp vệ sinh, đảm bảo sức khỏe. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền vận động, cũng như nâng cao nhận thức và tiến đến thay đổi hành vi của người dân trong việc sử dụng nước sạch.

(Chi tiết xem Phụ lục 4)

4.4. Chỉ số Tỷ lệ số hộ nghèo nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: đạt 74,38% (8.173 hộ/10.988 hộ).

- Qua tỷ lệ số hộ nghèo nông thôn sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung trong năm, cao nhất là thành phố Hồng Ngự đạt 97,62%, đứng thứ hai là thành phố Sa Đéc đạt 91,34% và địa phương có tỷ lệ thấp nhất là huyện Tân Hồng đạt 42,19%. Nhìn chung, tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch từ trạm cấp nước tập trung của toàn tỉnh tương đối cao, tuy nhiên với tỷ lệ không đồng đều, một số khu vực đạt tỷ lệ khá cao, còn một số khu vực đạt tỷ lệ thấp.

- Đối với các nguồn nước như giếng khoan và các nguồn hợp vệ sinh khác chưa được lấy mẫu xét nghiệm nên không đưa vào kết quả đánh giá này. Vì vậy, còn tỷ lệ nhất định số hộ dân sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn Bộ Y tế từ các nguồn nước hợp vệ sinh khác nhưng chưa được đánh giá.

Số hộ dân nông thôn sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung thời gian qua có sự gia tăng nhanh chóng, do các địa phương thực hiện chủ trương xã hội hóa cấp nước nông thôn, công tác tuyên truyền vận động, cũng như nâng cao

nhận thức và tiến đến thay đổi hành vi của người dân trong việc sử dụng nước sạch, bên cạnh có sự hỗ trợ của Ngân hàng chính sách xã hội cho vay đầu tư hệ thống nước sạch.

(Chi tiết xem Phụ lục 5)

4.5 Tỷ lệ các công trình cấp nước tập trung hoạt động hiệu quả, bền vững: tổng số công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn được khảo sát 374 trạm. Trong đó:

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung hoạt động bền vững: 251/374 công trình, chiếm 67,1%.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung hoạt động tương đối bền vững: 98/374 công trình, chiếm 26,2%.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung hoạt động kém bền vững: 21/373 công trình, chiếm 5,6%.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung không hoạt động: 4/374 công trình, chiếm 1,1%.

(Chi tiết xem Phụ lục 6)

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp báo cáo Kết quả điều tra Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, kính gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ NNPTNT (b/cáo);
- TT QG NS&VSMTNT;
- TT/TU; TT/HĐND Tỉnh;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, YT, TNMT;
- Cục Thống kê Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Trung tâm KSBT Tỉnh;
- Chi cục Thủy lợi;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu VT, NC/KT.lgv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Trí Quang